

**BỘ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 28a

DANH MỤC THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TỐI THIỂU NGÀNH/NGHỀ: MAY THỜI TRANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2019/TT- BLĐT BXH ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên ngành/ngành: May thời trang

Mã ngành/ngành: 5540204

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
A. Phần thuyết minh	2
B. Nội dung của danh mục	3
1. Danh sách các phòng chức năng	3
2. Mô tả các phòng chức năng	3
3. Tổng hợp các thiết bị đào tạo theo từng phòng chức năng	5
3.1. Phòng kỹ thuật cơ sở	5
3.2. Phòng ngoại ngữ	8
3.3. Phòng thực hành máy vi tính	9
3.4. Phòng thiết kế mẫu	11
3.5. Phòng thực hành may cơ bản	14
3.6. Phòng thực hành may chuyên dụng	17

A. PHẦN THUYẾT MINH

1. Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của nghề May thời trang trình độ trung cấp là danh mục bao gồm các loại thiết bị đào tạo (học liệu, dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh) tối thiểu và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị đào tạo mà cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải trang bị theo các phòng chức năng để tổ chức đào tạo ngành/ngành May thời trang trình độ trung cấp.

2. Nội dung của danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của nghề May thời trang trình độ trung cấp bao gồm:

a) Danh sách các phòng chức năng: quy định về số lượng và tên các phòng dùng để tổ chức đào tạo ngành/ngành May thời trang trình độ trung cấp.

b) Mô tả các phòng chức năng: chức năng, vai trò của các phòng trong hoạt động đào tạo ngành/ngành May thời trang trình độ trung cấp và số lượng sinh viên/học sinh tối đa cho một lớp học tại phòng.

c) Tổng hợp các thiết bị đào tạo theo từng phòng chức năng: được mô tả theo chủng loại và số lượng thiết bị, yêu cầu sử dụng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng thiết bị.

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết để thực hiện nội dung đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Yêu cầu sử dụng của thiết bị: mô tả vai trò, vị trí của thiết bị trong hoạt động đào tạo.

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo.

Nội dung danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của nghề May thời trang trình độ trung cấp không bao gồm các thiết bị đào tạo dùng cho môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và an ninh.

3. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ vào danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu này, các quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế để lập kế hoạch đầu tư, mua sắm thiết bị, xây dựng phòng chức năng phục vụ hoạt động dạy và học nghề May thời trang trình độ trung cấp.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp không bắt buộc phải đầu tư, mua sắm đối với các thiết bị có ghi chú *Thực tập tại doanh nghiệp* nhưng phải đảm bảo người học được học, thực hành trên các thiết bị đó trong quá trình đào tạo.

B. NỘI DUNG CỦA DANH MỤC

1. Danh sách các phòng chức năng

Các thiết bị đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp được sắp xếp vào các phòng chức năng phục vụ đào tạo, bao gồm:

- (1) Phòng kỹ thuật cơ sở
- (2) Phòng ngoại ngữ
- (3) Phòng thực hành máy vi tính
- (4) Phòng thiết kế
- (5) Phòng thực hành may cơ bản
- (6) Phòng thực hành may chuyên dụng

2. Mô tả các phòng chức năng

- (1) Phòng kỹ thuật cơ sở

Phòng học kỹ thuật cơ sở là phòng được trang bị các thiết bị sử dụng để dạy và học các nội dung lý thuyết và những nội dung thực hành đơn giản của các môn học, mô đun, tín chỉ của ngành/nghề. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 35 sinh viên/học sinh.

- (2) Phòng ngoại ngữ

Phòng ngoại ngữ là phòng dùng để dạy và học ngoại ngữ (tiếng nước ngoài) trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phòng được trang bị các thiết bị hiển thị hình ảnh, phát âm thanh, ghi âm và các loại học liệu để học và thực hành sử dụng ngoại ngữ. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên/học sinh.

- (3) Phòng thực hành máy vi tính

Phòng thực hành máy vi tính là phòng dùng để dạy và học môn tin học cơ sở. Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun, tín chỉ khác có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm chuyên ngành may). Phòng được trang bị các máy vi tính có kết nối mạng và các loại thiết bị, học liệu để học, thực hành sử dụng máy vi tính và các phần mềm chuyên ngành may. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên/học sinh.

- (4) Phòng thiết kế mẫu là phòng dùng để dạy lý thuyết và thực hành thiết kế các loại mẫu> phòng được trang bị hệ thống các thiết bị thể hiện các bản vẽ, bản vẽ thiết kế mẫu và các học liệu để thực hành kỹ năng thiết kế sản phẩm. Vị trí sắp xếp các bàn thiết kế đảm bảo đủ cho lớp học với số lượng tối đa 18 Sinh viên / học viên.

(5) Phòng thực hành may cơ bản là phòng để giảng dạy và học các nội dung lý thuyết, thực hành kỹ thuật may các đường may cơ bản, các chi tiết và các loại sản phẩm. Phòng được trang bị các thiết bị máy 1 kim, bàn là, dụng cụ đo, thiết bị phụ trợ. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên/học sinh.

(6) Phòng thực hành may chuyên dụng là phòng để giảng dạy và học thực hành các kỹ năng may các loại sản phẩm nâng cao trên các thiết bị chuyên dụng. Phòng được trang bị các thiết bị may chuyên dụng, bộ dụng cụ gá theo từng loại thiết bị. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên/học sinh.

3. Tổng hợp các thiết bị đào tạo theo từng phòng chức năng

3.1. Phòng kỹ thuật cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
1	Máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu	Chiếc	1	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	- Cường độ sáng ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu $\geq 1800\text{mm} \times 1800\text{mm}$.
3	Hệ thống âm thanh, mỗi bộ bao gồm	Bộ	1		
	Âm ly	Bộ	1	Dùng để tăng âm trong phòng học	Phù hợp với công suất loa
	Micro	Chiếc	1	Dùng để thu giọng nói truyền qua hệ thống loa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Loa	Chiếc	1		Công suất loa: $\geq 20\text{W}$
4	Bút trình chiếu	Chiếc	1	Dùng để hỗ trợ việc chuyển đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
5	Dụng cụ cứu thương	Bộ	1		
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ thuốc	Chiếc	1	Dùng để nhận biết và giảng dạy phân thực hành sơ cứu nạn nhân khi gặp tai nạn	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Xe đẩy	Chiếc	1		
	Túi cứu thương	Chiếc	1		
	Cáng cứu thương	Chiếc	1		
Găng tay	Đôi	1			

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
	<i>Panh, kéo</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
	<i>Hộp dụng cụ sơ cứu</i>	<i>Hộp</i>	<i>1</i>		
6	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	1	Sử dụng để giới thiệu khi giảng dạy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	+ <i>Bình cứu hoả dạng lỏng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Bình cứu hoả dạng khí</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Bình cứu hoả dạng bột</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Cuộn dây, vòi chữa cháy</i>	<i>Cuộn</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Họng cấp nước</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Bảng tiêu lệnh chữa cháy</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>		
7	Bộ bảo hộ lao động	Bộ	1	Sử dụng để giới thiệu khi giảng dạy thực hành bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	+ <i>Quần áo bảo hộ</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Mũ bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Giày bảo hộ</i>	<i>Đôi</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Khẩu trang bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
	+ <i>Găng tay bảo hộ</i>	<i>Đôi</i>	<i>1</i>		
8	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	1	Sử dụng để bảo quản và cất giữ dụng cụ, mẫu	Kích thước: \geq (600x400x800) mm
9	Bảng quy trình vận hành thiết bị	Bảng	1	Dùng để giảng dạy sinh viên thực hành cách vận hành thiết bị	Kích thước A0

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
10	Quy trình thực hiện An toàn lao động - PCCC	Bảng	1	Dùng để giảng dạy lý thuyết liên quan đến các biện pháp an toàn lao động, sơ cứu người bị tai nạn và PCCC trong ngành May	Các nội dung, hình ảnh được trình bày rõ ràng trên khổ A0
11	Bộ biểu mẫu quản lý may thời trang	Bộ	1	Dùng để giảng dạy lý thuyết liên quan đến quá trình sản xuất may thời trang	Các nội dung, hình ảnh được trình bày rõ ràng trên khổ A4

3.2 Phòng ngoại ngữ

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sử dụng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn điều khiển	Chiếc	1	Dùng để quản lý trong quá trình dạy và học	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1		Có khả năng mở rộng kết nối.
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1		Quản lý, giám sát hoạt động hệ thống và điều khiển. Thảo luận được 2 chiều.
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1	Dùng kết nối, điều khiển các thiết bị ngoại vi	Có khả năng tương thích với nhiều thiết bị.
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	Sử dụng để trình chiếu, minh họa cho các bài giảng	- Cường độ sáng ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phong chiếu $\geq 1800\text{mm} \times 1800\text{mm}$.
6	Máy vi tính	Bộ	19	Cài đặt, sử dụng các phần mềm.	Loại có thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm; có khả năng đọc được đĩa quang học
7	Tai nghe	Bộ	19	Dùng để thực hành nghe	Loại có micro gắn kèm; thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
8	Scanner	Chiếc	01	Dùng để scan tài liệu phục vụ giảng dạy	Loại có thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ các nội dung, video, âm thanh	Loại có thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.

3.3 Phòng thực hành máy vi tính

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	19		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	- Cường độ sáng ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu $\geq 1800\text{mm} \times 1800 \text{mm}$.
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01	Dùng để giảng dạy và thực hành kỹ năng sử dụng máy tính, sử dụng phần mềm văn phòng	Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm (bao gồm Microsoft Words, Microsoft Excel và Microsoft Powerpoint) ; cài được cho 19 máy tính
4	Bộ phần mềm công cụ tiếng Việt	Bộ	01	Dùng để giảng dạy và thực hành kỹ năng sử dụng máy tính soạn thảo văn bản tiếng Việt	Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01	Dùng để giảng dạy và thực hành kỹ năng phòng ngừa và diệt virus máy tính	Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
6	Scanner	Chiếc	01	Dùng để scan tài liệu phục vụ giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ các nội dung, video, âm thanh	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.
8	Phần mềm đồ họa trang phục	bộ	19	Sử dụng để thiết kế đồ họa các loại trang phục trên máy tính	Bộ phần mềm chuyên ngành cài đặt được tất cả các máy trong phòng học, có chức năng vẽ được các loại sản phẩm

9	Phần mềm thiết kế	bộ	19	Sử dụng để thiết kế mẫu rập 2D, 3D trên máy tính	Bộ phần mềm cài đặt được tất cả các máy trong phòng học, có chức năng may thử mẫu đã thiết kế 2D trên sản phẩm 3D
10	Máy in sơ đồ mẫu	Chiếc	1	Dùng để in sơ đồ mẫu, in chi tiết mẫu, thể hiện rõ nét vẽ	Khổ in 165cm – 225cm, tốc độ in 90m + 150m/giờ, kết nối internet/ usb
11	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in các tài liệu	Máy in khổ A4, đen trắng; loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm.

3.4. Phòng thiết kế mẫu

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
I	Thiết bị				
1	Máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu	Chiếc	1	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	- Cường độ sáng ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu $\geq 1800\text{mm} \times 1800\text{mm}$.
3	Bút trình chiếu	Chiếc	1	Dùng để chuyển đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
4	Ma nơ canh bán thân trên nam	Chiếc	3	Sử dụng hướng dẫn mặc thử mẫu sản phẩm	Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
5	Ma nơ canh bán thân trên nữ	Chiếc	3	Dùng để hướng dẫn mặc thử mẫu sản phẩm	Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
6	Đinh ghim	Hộp	1	Hỗ trợ ghim mẫu để quan sát khi giảng dạy	Loại thông dụng trên thị trường
7	Giá treo mẫu	Chiếc	1	Dùng để treo mẫu quan sát	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Giá đỡ giấy cuộn thiết kế	Chiếc	1	Dùng để lưu trữ giấy thiết kế và lấy giấy khi thực hành thiết kế	Kích thước theo khổ cuộn giấy từ 1200 +1600mm
9	Bảng ghim mẫu rập	Chiếc	1	Dùng để treo mẫu quan sát	Loại thông dụng trên thị trường (1,2 – 1,5 m)
10	Bàn vẽ kỹ thuật	Chiếc	18	Dùng để thực hành thiết kế mẫu	Đảm bảo chắc chắn. Vẽ được các bản vẽ A0
11	Móc treo sản phẩm	Chiếc	1	Dùng để treo sản phẩm để dễ quan	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
				sát khi giảng dạy	mua sắm
12	Kim bấm dấu	Chiếc	18	Sử dụng để làm dấu các chi tiết mẫu cứng	Kích thước: 80 x 150 x 24 mm Khối lượng 116 g
13	Dao trở mẫu	Chiếc	18	Sử dụng để cắt các chi tiết mẫu	Kích thước sản phẩm 80 mm x 150 mm x 24 mm Khối lượng 116 g
14	Tấm nhựa kê trở mẫu	Chiếc	3	Sử dụng để kê khi trở các chi tiết mẫu bìa cứng	Nhựa dẻo khổ: 900 x 600 mm
15	Đục lỗ treo mẫu rập	Chiếc	1	Sử dụng để đục lỗ treo mẫu	Bằng thép để đục rỗng chi tiết mẫu khi treo Đường kính: 10mm
16	Kéo	Chiếc	18	Sử dụng để cắt giấy trong quá trình cắt mẫu, đầu sơ đồ	Có độ sắc bén và chuẩn xác cao, phần tay cầm phù hợp với người sử dụng
17	Đe chặn mẫu	Chiếc	18	Dùng để giữ mẫu khi thực hành sao các chi tiết mẫu	Bằng chất liệu sắt có trọng lượng (0.3÷0.5) Kg
20	Bộ dụng cụ vẽ	Bộ	18	Sử dụng hướng dẫn thực hành vẽ các hình vẽ thiết kế	Thông số kỹ thuật cụ thể như sau:
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	Ê ke	Bộ	1	<i>Dùng để thực hành xác định các đường dựng hình vuông góc, các góc theo yêu cầu</i>	Êke 450, 600 thông dụng.
	Com pa	Chiếc	1	<i>Sử dụng để thực hành vẽ cung tròn</i>	Loại com pa có khả năng vẽ đường tròn từ 50 mm trở lên.
	Thước cong	Bộ	1	<i>Sử dụng để thực hành vẽ các đường cong chi tiết mẫu</i>	Thước có đầy đủ các dạng đường cong kỹ thuật với kích thước khác nhau.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
	<i>Thước sắt không rỉ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>Sử dụng để trở, khoét mẫu giấy</i>	<i>Thước có chiều dài $\geq 200\text{mm}$</i>
	<i>Thước nhựa cứng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>Sử dụng để thực hành đo, vẽ các chi tiết</i>	<i>Thước có chiều dài từ $\geq 300 - 500\text{ mm}$</i>
	<i>Thước dây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>Sử dụng để đo các kích thước theo yêu cầu.</i>	<i>Thước có chiều dài từ $\geq 1500\text{ mm}$</i>
	<i>Con lăn sao mẫu</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>Sử dụng để sao mẫu rập</i>	<i>Loại thông dụng trên thị trường</i>
21	Bảng mẫu vải	Bảng	1	Dùng để phân biệt và phân loại các dạng vải khác nhau	Các mẫu vải dệt kim, dệt thoi, vải không dệt cơ bản, các loại vải kẻ, nhung hoa văn.
22	Bảng mô hình hình dáng chi tiết mẫu các loại SP	Chiếc	1	Dùng để phân biệt chi tiết mẫu các loại trang phục khác nhau	Kích thước A1, A0
23	Bộ mẫu trực quan sản phẩm sơ mi, quần âu, jacket, veston.	Bộ	1	Dùng để giới thiệu hình dáng và kết cấu trang phục	Sản phẩm cơ bản đã may hoàn thiện
24	Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm	Bộ	1	Dùng để giảng dạy thực hành liên quan đến duyệt mẫu sản phẩm	Tài liệu tương ứng với các loại sản phẩm

3.5 Phòng thực hành may cơ bản

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
I	Thiết bị				
1	Máy tính	Bộ	1	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu	Chiếc	1		- Cường độ sáng ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu $\geq 1800\text{mm} \times 1800\text{mm}$.
3	Bút trình chiếu	Chiếc	1	Dùng để hỗ trợ việc chuyển đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
4	Máy may 1 kim	Bộ	18	Thực hành may áo sơ mi, quần âu, áo Jacket, áo veston	Tốc độ may ≥ 4000 mũi/phút
5	Máy vắt sổ 2 kim, 4 chỉ	Bộ	2	Dùng để thực hành vắt sổ các sản phẩm vải co giãn	Tốc độ may ≥ 5000 mũi/phút
6	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ	Bộ	2	Dùng để vắt sổ áo sơ mi, quần âu, nam, nữ	Tốc độ may ≥ 5000 mũi/phút
7	Máy đánh chỉ	Bộ	1	Dùng để đánh san chỉ thành các cuộn nhỏ	Công suất: 60W Kích thước: 440x220x330mm
8	Bàn là nhiệt	Bộ	3	Sử dụng là các chi tiết sản phẩm	Nhiệt độ: 1000 độ C Công suất: 1÷2 kW
9	Bàn là hơi	Bộ	2	Sử dụng là hoàn thiện sản phẩm	Nhiệt độ: 2000 độ C Công suất: 1÷2 kW
10	Bàn thợ phụ	Chiếc	5	Sử dụng để đặt bàn là để là các loại sản phẩm	Kích thước: Cao 800÷900 mm; Dài 1200÷1800 mm; Rộng 900÷1200 mm.
11	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Sử dụng để bảo quản và cất giữ dụng cụ, mẫu, BTP	Tủ loại nhiều ngăn và đủ không gian sử dụng; phù hợp bảo quản các loại nguyên phụ liệu

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
12	Bộ chân vịt	Bộ	18		
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	<i>Các loại chân vịt mí</i>	Bộ	1	<i>Sử dụng thực hành may các đường may mí</i>	<i>Loại mí ngược và mí xuôi thông số 0,1cm</i>
	<i>Các loại chân vịt điều</i>	Bộ	1	<i>Sử dụng thực hành may các đường may điều</i>	<i>Loại từ 0,2 + 1cm</i>
	<i>Các loại chân vịt tra khóa</i>	Bộ	1	<i>Sử dụng thực hành tra các loại khóa</i>	<i>Theo chủng loại sản phẩm</i>
13	Kéo	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Kéo cắt vải thông dụng có thể cắt được sợi, vải.
14	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng trong quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại kéo bấm nhỏ bằng thép thông dụng trên thị trường có thể gập đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác.
15	Bộ dụng cụ đo	Bộ	18		
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	<i>Thước nhựa cứng</i>	Chiếc	1	<i>Dùng để đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm</i>	<i>Thước có chiều dài từ $\geq 300 - 500$ mm</i>
	<i>Thước dây</i>	Chiếc	1	<i>Dùng để đo các kích thước sản phẩm theo yêu cầu.</i>	<i>Thước có chiều dài từ ≥ 1500 mm</i>
16	Bộ bảo hộ lao động	Bộ	18		
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	<i>Quần áo bảo hộ</i>	Bộ	1		
	<i>Mũ bảo hộ</i>	Chiếc	1	Sử dụng để giới thiệu khi giảng dạy và thực hành bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
	<i>Dép bảo hộ</i>	<i>Đôi</i>	<i>1</i>		
	<i>Khẩu trang bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
17	Mô hình mẫu các bộ phận chủ yếu áo sơ mi, quần âu, jacket, veston	Bộ	1	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của áo sơ mi nam, nữ	Mô hình mô phỏng đầy đủ và chuẩn về trình tự và phương pháp may
18	Bộ mẫu trực quan sản phẩm sơ mi, quần âu, jacket, veston.	Bộ	1	Dùng để nghiên cứu đặc điểm của từng loại trang phục	Sản phẩm hoàn thiện theo từng loại trang phục

3.6 Phòng thực hành may chuyên dụng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sử dụng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Máy tính	Bộ	1		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu	Chiếc	1	Sử dụng để trình chiếu minh họa cho các bài giảng	- Cường độ sáng ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước phòng chiếu $\geq 1800\text{mm} \times 1800\text{mm}$.
3	Bút trình chiếu	Chiếc	1	Sử dụng chuyên đổi các slide giảng dạy	Có đủ các phím chức năng hỗ trợ trình chiếu slide
4	Máy thừa khuyết bằng	Bộ	2	Sử dụng thừa khuyết áo sơ mi, quần âu nam, nữ	Tốc độ ≥ 3600 mũi/ phút, Số mũi/ khuyết: từ 54 + 370 mũi
5	Máy đính cúc	Bộ	2	Sử dụng đính cúc áo sơ mi, quần âu nam, nữ	Tốc độ may ≥ 1500 mũi/ phút Kiểu cúc: 2, 4 lỗ
6	Máy cuộn ống	Bộ	2	Sử dụng thực hành may các đường cuộn trên sản phẩm	Tốc độ may ≥ 5000 mũi/phút
7	Máy 2 kim	Bộ	2	Sử dụng thực hành may các đường may song song các sản phẩm nâng cao	Tốc độ may ≥ 4000 mũi/phút
8	Máy trần đê	Bộ	2	Sử dụng thực hành may các đường may điều đê trên sản phẩm nâng cao	Tốc độ may ≥ 5000 mũi/phút
9	Máy đính bọ	Bộ	1	Sử dụng đính bọ áo sơ mi, quần âu, áo Jacket, áo Veston nam, nữ	Tốc độ may ≥ 1800 mũi /phút Số mũi may: từ 28 đến 42 mũi / bọ Chiều rộng bọ: 1.5 + 3mm

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sử dụng	Yêu cầu kỹ thuật
					Chiều dài bộ: 8 + 16 mm
10	Máy đánh chỉ	Bộ	1	Sử dụng đánh san chỉ thành các cuộn nhỏ	Công suất 60W/ 220V/ 50Hz KT: 440*220*330mm
11	Bàn là nhiệt	Bộ	2	Sử dụng là các chi tiết sản phẩm	Điện áp xoay chiều : 220V Công suất: 1000 độ C
12	Bàn là hơi	Bộ	2	Sử dụng là hoàn thiện sản phẩm	Điện áp xoay chiều : 220V Công suất 2000 độ C
13	Bàn thợ phụ	Chiếc	4	Sử dụng để đặt bàn là để là các loại sản phẩm	Kích thước Cao 800+900 mm; Dài 1200+1800 mm;CRộng 900+1200 mm.
14	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	1	Sử dụng để bảo quản và cất giữ dụng cụ, mẫu, bán thành phẩm	Kích thước: \geq (600x400x800)m m
15	Kéo	Chiếc	18	Sử dụng để cắt vải	Kéo cắt vải thông dụng có thể cắt được sợi, vải.
16	Kéo bấm chỉ	Chiếc	18	Sử dụng trong quá trình may để bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại kéo bấm nhỏ bằng thép thông dụng trên thị trường có thể gấp đầu kéo lại được thuận tiện cho quá trình thao tác.
17	Bộ dụng cụ đo	Bộ	18		
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	<i>Thước nhựa cứng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	Dùng để đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Thước có chiều dài từ \geq 300- 500 mm
<i>Thước dây</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	Dùng để đo các kích thước sản	Thước có chiều dài từ \geq 1500 mm	

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sơ phạm	Yêu cầu kỹ thuật
				phẩm theo yêu cầu.	
18	Ma nơ canh bán thân trên	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn mặc thử mẫu sản phẩm	Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
19	Ma nơ canh bán thân dưới	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn mặc thử mẫu sản phẩm	Kích thước đúng thông số theo cỡ chuẩn
20	Giá treo sản phẩm	Chiếc	1	Dùng để treo sản phẩm để dễ quan sát, bảo quản sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Móc treo sản phẩm	Chiếc	18	Dùng để treo sản phẩm để đảm bảo phẳng sản phẩm	Phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Sản phẩm mẫu áo sơ mi nam, nữ, jacket, veston	Bộ	2	Nghiên cứu đặc điểm của từng loại áo sơ mi nam, nữ, jacket, veston	Theo chủng loại sản phẩm
23	Bộ bảo hộ lao động	Bộ	18	Sử dụng để giới thiệu khi giảng dạy khi thực hành để bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	<i>Quần áo bảo hộ</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>		
	<i>Mũ bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
	<i>Đép bảo hộ</i>	<i>Đôi</i>	<i>1</i>		
	<i>Khẩu trang bảo hộ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>		
24	Bảng quy trình vận hành các thiết bị chuyên dùng	Bảng	1	Sử dụng hướng dẫn thực hành vận hành các thiết bị chuyên dùng	In trên bảng A0
25	Bộ mẫu trực quan sản phẩm sơ mi, quần âu, jacket, veston.	Bộ	1	Dùng để nghiên cứu kết cấu đường may chuyên dùng của từng loại trang phục	Sản phẩm hoàn thiện theo từng loại trang phục